

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2025/DS-ST
Ngày 06 - 6 - 2025
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hôn; Bà Ngô Thị Thuởng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2025/TLST - DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72A/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm: 1951, địa chỉ: 1 ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Lê Thị M): Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt);

2/ Bị đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm: 1974 và bà Lê Thị T1, sinh năm: 1978; cùng địa chỉ: 7, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản phiên họp, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Lê Thị M) là bà Nguyễn Thị Như T trình bày:

Vào ngày 15/10/2024 bà M có cho vợ chồng ông Phan Văn S và bà Lê Thị T1 vay số tiền là 1.000.000.000đồng, mục đích vay tiền là để ông S, bà T1 đáo hạn ngân hàng, sau khi vay lại tiền thì sẽ trả cho bà M. Khi vay tiền hai bên có làm biên nhận đề ngày 15/10/2024, ông S và bà T1 cùng ký tên vào biên nhận. Về tiền lãi, mặc dù không có ghi trong biên nhận nhưng có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng (1%/10 ngày). Từ khi vay đến nay ông S, bà T1 không có trả cho bà M được khoản tiền nào bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi.

Nay bà M yêu cầu giải quyết như sau:

- Buộc ông Phan Văn S và bà Lê Thị T1 liên đới trả lại cho bà M số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đồng, bà M không yêu cầu tính lãi.

- Bà M đồng ý trả lại cho ông S, bà T1 các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH04979 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/5/2013, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH01749 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/12/2012, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH07856 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/2015 cho ông Phan Văn S và bà Lê Thị T1.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn là ông Phan Văn S, bà Lê Thị T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Đây là quan hệ pháp luật về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị M khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông Phan Văn S, bà Lê Thị T1 vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt ông S, bà T1 là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà M yêu cầu ông S, bà T1 liên đới trả số nợ gốc là 1.000.000.000đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà M có cung cấp “Biên nhận” ngày 15/10/2024. Xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, hội đồng xét xử nhận thấy: “Biên nhận” ngày 15/10/2024 cùng có chữ ký tên và chữ viết ghi họ tên của ông S và bà T1 bên dưới mục “Người nhận” nên yêu cầu khởi kiện của bà M đối với ông S và bà T1 là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3.2] Về phía bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông S, bà T1 vắng mặt và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà M (mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt) nên ông S, bà T1 phải chịu trách nhiệm do việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH04979 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/5/2013, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH01749 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/12/2012, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH07856 do

Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/2015 cho ông Phan Văn S và bà Lê Thị T1, do hai bên thỏa thuận giao cho bà M giữ với mục đích để đảm bảo cho khoản vay, không có thỏa thuận gì liên quan đến việc thế chấp quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận cho bị đơn nên cần ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Ông Phan Văn S, bà Lê Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch $36.000.000\text{đồng} + 3\% \times (200.000.000\text{đồng}) = 42.000.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 và điều 468 của Bộ luật dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị M đối với bị đơn là ông Phan Văn S, bà Lê Thị T1.

Buộc bị đơn là ông Phan Văn S, bà Lê Thị T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị M tổng số tiền nợ là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Ghi nhận việc bà Lê Thị M không yêu cầu ông Phan Văn S, bà Lê Thị T1 có nghĩa vụ trả tiền lãi.

[2] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tuyết M1 về việc trả lại cho ông Võ Văn L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH05684 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 27/11/2014 cho ông Võ Văn L.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

[3.2] Ông Phan Văn S, bà Lê Thị T1 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.000.000đồng (bốn mươi hai triệu đồng).

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà Lê Thị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Phan Văn S, bà Lê Thị T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyên

